TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 13 – 4 - 2018
"*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Bà Nguyễn Thị Thu Từ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Phước Linh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2017/TLPT-HNGĐ ngày 11/12/2017 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1961. Trú tại: Xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị L, sinh năm 1961. Trú tại: Xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị L: Bà Nguyễn Thị T, Luật sư Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Văn Ng, sinh năm 1931

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1933 (Vợ ông Ng)

Đều trú tại: Xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Ông Ng, bà L vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Chị Hoàng Thị L1, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2017). Có mặt.

3. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2017). Vắng mặt.

4. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Xóm Kh, xã H, huyện H, Nghệ An. Có mặt.

5. Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1958; Địa chỉ cư trú: Khối 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Đề nghị vắng mặt.

6. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Xóm Th, xã H, huyện H, Nghệ An. Có mặt.

7. Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Khối 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

8. Chị Hoàng Thị O, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: Khối 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Đề nghị vắng mặt.

9. Chị Hoàng Thị L1, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Xóm Kh, xã H, huyện H, Nghệ An. Có mặt.

10. Chị Hoàng Thị L2, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: xóm K, xã Ng, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

11. Anh Cao Minh T, sinh năm 1960; Địa chỉ cư trú: Xóm Kh, xã H, huyện H, Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Thị L bị đơn.

- *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung:

Trong Đơn xin ly hôn ngày 05/12/2016, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Hoàng Văn B trình bày: Ông Hoàng Văn B và bà Trần Thị L đăng ký kết hôn ngày 05/01/1981 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt và hai người đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 đến nay. Nay xác định tình cảm không còn nên ông B đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung: Hoàng Văn T, sinh năm 1981; Hoàng Thị T, sinh năm 1983; Hoàng Văn H, sinh năm 1986. Các con đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm có:

- 01 thửa đất diện tích 159 m^2, trên thửa đất số 837, tờ bản đồ số 01, nay là thửa đất số 1765, tờ bản đồ số 16 tại xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. trị giá thửa đất: 477.000.000 đồng.

- 01 ngôi nhà cấp bốn (Trên thửa đất của Ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L) thửa đất số 837, tờ bản đồ số 01, nay là thửa đất số 1765, tờ bản đồ số 16 tại xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Trị giá ngôi nhà, bếp và công trình phụ: 98.238.000 đồng.

- 04 Ki ốt (Trên thửa đất của Ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L) trị giá 77.321.000 đồng.

- 01 mái tôn trị giá 1.620.000 đồng.

- 01 thửa đất số 509, tờ bản đồ số 7, diện tích 85 m^2 ở xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Trị giá 221.000.000 đồng.

- 01 Chiếc xe ô tô Chevolet spark mang biển kiểm soát 37S-2224. Trị giá 120.000.000 đồng.

- 01 xe máy mang biển kiểm soát 37N6-4523 trị giá: 4.697.000 đồng.

- Các loại máy móc làm mộc tại xưởng gỗ gồm: 01 máy bào trị giá 880.000 đồng, 01 máy soi chỉ trị giá 2.700.000 đồng, 03 máy bào tay trị giá 750.000 đồng, 01 máy đục trị giá 900.000 đồng.

- Toàn bộ đồ dùng sinh hoạt gia đình gồm: 02 ti vi hư hỏng không còn giá trị, 01 tủ lạnh trị giá 3.046.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 3.600.000 đồng, 01 điều hòa samsung trị giá 1.700.000 đồng, 08 giường (06 giường gỗ trị giá 4.950.000 đồng, 02 giường sắt trị giá 405.000 đồng, 01 tủ bếp trị giá 2.700.000 đồng, 01 máy phát điện trị giá 280.000 đồng, 01 bếp ga trị giá 220.000 đồng, 01 nồi điện hư hỏng không còn giá trị, 01 máy lọc nước trị giá 2.652.000 đồng, 04 quạt điện trị giá 290.000 đồng, 01 lò vi sóng trị giá 736.000 đồng, 01 bình nóng lạnh trị giá 273.000 đồng, 01 bộ bàn ghế sa lon trị giá 6.000.000 đồng.

Ông Hoàng Văn B yêu cầu chia theo pháp luật.

Về khoản nợ: Vợ chồng có vay của con trai là anh Hoàng Văn H số tiền 135.000.000 đồng để mua ô tô Chevolet spark mang biển kiểm soát 37S-2224 và sửa chữa ki ốt cho thuê. Nay vợ chồng ly hôn ông B yêu cầu bà L cùng ông trả khoản nợ trên cho anh H.

Bà Trần Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, bà Trần Thị L thừa nhận thời gian, địa điểm kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giống như ông Hoàng Văn B trình bày. Nay bà xác định tình cảm không còn nên bà L đồng ý ly hôn ông B.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung, ngày tháng năm sinh đúng như ông B khai. Nay các con đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và khoản nợ: Bà L thống nhất có tài sản chung và giá trị các tài sản với ông B khai trên là các khoản như sau:

- 01 thửa đất diện tích 159 m^2 trên thửa đất số 837, tờ bản đồ số 01, nay là thửa đất số 1765, tờ bản đồ số 16 tại xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Trị giá thửa đất: 477.000.000 đồng.

- 01 ngôi nhà cấp 4 (Trên thửa đất của Ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L) thửa đất số 837, tờ bản đồ số 01, nay là thửa đất số 1765, tờ bản đồ số 16 tại xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Trị giá ngôi nhà, bếp và công trình phụ: 98.238.000 đồng.

- 04 Ki ốt (Trên thửa đất của Ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L) trị giá 77.321.000 đồng.

- 01 mái tôn trị giá 1.620.000 đồng.

- 01 thửa đất số 509, tờ bản đồ số 7 diện tích 85 m^2 ở xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An trị giá 221.000.000 đồng.

- 01 Chiếc xe ô tô Chevolet spack mang biển kiểm soát 37S-2224 trị giá 120.000.000 đồng.

- 01 xe máy mang biển kiểm soát 37N6-4523 trị giá: 4.697.000 đồng.

- Các loại máy móc làm mộc tại xưởng gỗ gồm: 01 máy bào trị giá 880.000 đồng, 01 máy soi chỉ trị giá 2.700.000 đồng, 03 máy bào tay trị giá 750.000 đồng, 01 máy đục trị giá 900.000 đồng.

- Toàn bộ đồ dùng sinh hoạt gia đình gồm: 02 ti vi hư hỏng không còn giá trị, 01 tủ lạnh trị giá 3.046.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 3.600.000 đồng, 01 điều hòa samsung trị giá 1.700.000 đồng, 08 giường (06 giường gỗ trị giá 4.950.000 đồng, 02 giường sắt trị giá 405.000 đồng, 01 tủ bếp trị giá 2.700.000 đồng, 01 máy phát điện trị giá 280.000 đồng, 01 bếp ga trị giá 220.000 đồng, 01 nồi điện hư hỏng không còn giá trị, 01 máy lọc nước trị giá 2.652.000 đồng, 04 quạt điện trị giá 290.000 đồng, 01 lò vi sóng trị giá 736.000 đồng, 01 bình nóng lạnh trị giá 273.000 đồng, 01 bộ bàn ghế sa lon trị giá 6.000.000 đồng.

Ngoài số tài sản nêu trên, theo bà L thì, ông Hoàng Văn B còn giữ tài sản chung của vợ chồng là số tiền 83.000.000 đồng tiền đền bù giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất sản xuất nông nghiệp. Cụ thể; số tiền 40.000.000 ông B cho con là Hoàn Văn T; số tiền cho các chị, em của ông Hoàng Văn B 20.000.000 đồng; chi cho các anh, chị, em của bà L số tiền 7.000.000 đồng (gồm tiền chi cho cậu Nguyễn Lĩnh L 4.000.000 đồng; tiền chi cho các chị em của bà Trần Thị L số tiền 3.000.000 đồng); tiền mua thiết bị, đồ dùng cho 4 phòng trọ 16.000.000

đồng. Ông B đã chi những khoản tiền trên khi chưa được sự đồng ý của bà Liên nên bà L yêu cầu chia theo pháp luật.

Về khoản nợ: Vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

Anh Hoàng Văn H và Người đại diện theo ủy quyền của anh H trình bày: Ông Hoàng Văn B có vay của anh Hoàng Văn H số tiền 135.000.000 đồng, cụ thể: Vào khoảng tháng 02/2014 ông B vay 90.000.000 đồng để mua xe ô tô, tháng 10/2015 ông B vay 45.000.000 đồng để xây Ki ốt cho thuê. Nay vợ chồng ly hôn anh Hoàng Văn H yêu cầu ông B và bà L trả khoản nợ trên cho anh H.

Vợ chồng ông Hoàng Văn Ng, bà Nguyễn Thị L, người đại diện theo ủy quyền của ông Ng, bà L trình bày: Vợ chồng ông B, bà L xây dựng một phần ngôi nhà và các ốt cho thuê trên đất ông Ng, bà L. Nay vợ chồng ly hôn ông Ng, bà L chấp nhận nhận lại tài sản trên đất và trả tiền trị giá tài sản cho vợ chồng, theo định giá, để tránh thiệt hại về tài sản.

Các bà Hoàng Thị Th, Hoàng Thị H, Hoàng Thị M, Hoàng Thị O, Hoàng Thị L1, Hoàng Thị L2, ông Cao Minh T và anh Hoàng Văn T trình bày: Sau khi vợ chồng ông B, bà L nhận được tiền đền bù đất nông nghiệp, đã cho các ông, bà một số tiền gọi là lộc, các ông bà đã nhận, nay không có yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/HNGĐ-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Hoàng Văn B được ly hôn bà Trần Thị L.

2. Về tài sản chung:

Bà Trần Thị L được sử dụng diện tích 79,5m2 đất và ½ mái tôn tại phía Nam thửa đất; ông Hoàng Văn B được sử dụng 79,5m2 đất và ½ mái tôn tại phía Bắc thửa đất. (Đặc điểm chi tiết chia nhà đất có sơ đồ kèm theo).

Ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L được sở hữu toàn bộ tài sản là nhà ở, nhà bếp và công trình phụ; 04 ki ốt (Hiện nay ông Hoàng Văn B và bà Trần Thị L đang sử dụng) hiện nằm trên thửa đất của Ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L.

Ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Hoàng Văn B số tiền 87.779.000 đ (Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng); Trả cho bà Trần Thị L số tiền 87.779.000 đ (Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Bà Trần Thị L được sử dụng 01 thửa đất số 509, tờ bản đồ số 7 diện tích 85 m^2 ở xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; được sở hữu các đồ dùng sinh hoạt gia đình gồm: 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 02 giường gỗ, 01 tủ bếp, 01 bộ bàn ghế sa lon.

Ông Hoàng Văn B được sở hữu: 01 Chiếc xe ô tô Chevolet spark mang biển kiểm soát 37S-2224; 01 xe máy mang biển kiểm soát 37N6-4523; Các loại máy móc làm mộc tại xưởng gỗ gồm: 01 máy bào, 01 máy soi chỉ, 03 máy bào tay, 01 máy đục. Toàn bộ đồ dùng sinh hoạt gia đình còn lại gồm: 02 ti vi, 01 máy điều hòa Samsung, 06 chiếc giường (04 giường gỗ, 02 giường sắt), 01 máy phát điện, 01 bếp ga, 01 nồi cơm điện, 01 máy lọc nước, 04 quạt điện, 01 lò vi sóng, 01 bình nóng lạnh.

Bà Trần Thị L phải trả cho cho ông Hoàng Văn B số tiền 37.606.500 đồng (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm linh sáu nghìn, năm trăm đồng).

3. Về khoản nợ:

Bà Trần Thị L phải trả cho anh Hoàng Văn H số tiền: 67.500.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Hoàng Văn B phải trả cho anh Hoàng Văn H số tiền: 67.500.000 đ (Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án còn quyết định nghĩa vụ của người phải chịu án phí, nghĩa vụ của người phải thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2017, bà Trần Thị L kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm với nội dung:

Về khoản nợ: Bà L không đồng ý với bản án sơ thẩm tuyên buộc bà phải trả cho con trai tôi là Hoàng Văn H số tiền 67.500.000 đồng. Vì những lý do sau; Bà L chưa khi nào viết giấy vay hay vay chung với ông B khoản tiền nào. Việc ông B vay tiền anh H (Con trai bà L) vào thời gian nào, để làm gì bà L không được biết. Tòa án chỉ dựa vào lời khai của ông B để chia khoản nợ này cho bà là không có căn cứ. Chiếc xe ô tô được mua bằng tiền tích góp hàng chục năm vợ chồng, bà chưa bao giờ được nghe ông B bàn bạc hay nói chuyện gì về việc phải vay tiền của con để mua ô tô. Năm 2015, vợ chồng có xây một dãy ốt cho thuê, tại thời điểm đó vợ chồng bà mới nhận được tiền bồi thường đất, việc xây ốt vợ chồng có thừa khả năng và không cần phải vay tiền của ai. Do vậy, bà L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc ông B phải trả cho con trai bà là Hoàng Văn H số tiền nợ 135.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà và ông Hoàng Văn B đang còn tài sản chung là 83.000.000 đồng tiền đền bù giải phóng khi thu hồi đất sản xuất nông nghiệp. Số tiền này là số tiền còn lại sau khi chia tiền đền bù cho ông bà, vợ chồng, con cái do ông B quản lý. Việc ông B sử dụng số tiền trên như thế nào bà không được biết và không được sự đồng ý của bà. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông B phải trích chia số tiền đền bù này là tài sản chung của vợ chồng cho Bà L được hưởng là 41.500.000 đồng.

Ngày 29/9/2017, Viên trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An kháng nghị đối với bản án sơ thẩm với các nội dung:

1. Về án phí; vụ án thụ lý ngày 12/12/2016, xét xử sơ thẩm ngày 31/12/2017 nhưng Bản án buộc ông Hoàng Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là không đúng quy định tại Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Trong vụ án này ông B, bà L đều phải có nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng, nhưng cấp sơ thẩm không buộc họ phải chịu án phí về nghĩa vụ của họ. Theo quy định thì mỗi người phải chịu án phí trả nợ là: 67.500.000 đồng x 5% = 3.375.000 đồng.

Ngoài ra, theo bản án sơ thẩm thì tổng số tài sản mà ông B được chia là: 139.783.000, đồng + 87.779.000, đồng + 11.500.000, đồng + 49.106.500, đồng + 238.500.000, đồng = 526.668.500 đồng. Tổng số tài sản mà bà Liên được chia: (237.996.000, đồng + 87.779.000, đồng + 11.500.000, đồng + 238.500.000, đồng) – 49.106.500, đồng = 526.668.500 đồng. Nhưng cấp sơ thẩm sơ thẩm không buộc đương sự phải chịu án phí phần nghĩa vụ họ phải thực hiện và buộc ông B, bà L mỗi người phải chịu mức án phí chia tài sản chung số tiền 25.099.000 đồng là chưa chính xác. Theo quy định thì mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 526.668.500 đồng – 67.500.000 đồng = 459.168.000 đồng là 20.000.000 đồng + 59.168.000 đồng x 4% = 22.366.720 đồng.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thành lập Hội đồng định giá theo yêu cầu của đương sự nhưng Bản án sơ thẩm không quyết định về nghĩa vụ chi phí định giá tài sản của các đương sự là vi phạm nội dung của quy định tại Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Bản án không tuyên lãi suất chậm thi hành án đối với khoản thi hành án là tiền theo quy định tại Thông tư 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTC-BTP.

4. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn B và bà Trần Thị L đều khai thửa đất số 1765, tờ bản đồ số 16 tại xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An diện tích 159m^2 là tài sản chung của vợ chồng và đề nghị chia theo pháp luật. Bản án sơ thẩm nhận định nguồn gốc thửa đất số 1765, tờ bản đồ số 16 tại xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An là của bố mẹ ông Hoàng Văn B cho vợ chồng ông B, bà L để ở, nhưng thời gian sinh sống đã lâu, vợ chồng cùng khai thác và tôn tạo thửa đất nên chia đôi diện tích đất, nên mỗi người được quyền sử dụng 79,5m^2. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/10/2016 cho ông Hoàng Văn B và bà Trần Thị L. Nhưng phần quyết định bản án chỉ phân chia tài sản trên đất mà không phân chia quyền sử dụng thửa đất 1765 nêu trên cho ông Hoàng Văn B, bà Trần Thị L là bỏ sót yêu cầu của đương sự. Và theo Biên bản định giá ngày 09/5/2017 tài sản chung của ông Hoàng Văn B, bà Trần Thị L còn có 03 tủ gỗ trị giá 5.791.000 đồng nhưng bản án không quyết định chia 03 tủ gỗ này cho ai là bỏ sót tài sản của ông B, bà L, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên đã vi phạm pháp luật dân sự về tố tụng và nội dung, những vi phạm này là nghiêm trọng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm về quan hệ tài sản, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị L rút một phần nội dung kháng cáo về không yêu cầu chia số tiền 40 triệu đồng mà ông B đã cho anh H, chỉ yêu cầu chia số tiền 20 triệu đồng hiện ông B đang quản lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị và phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các bên đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Trần Thị L, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí và bổ sung vị trí thửa đất chia cho vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L, kết quả tranh luận và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Hoàng Văn B và bà Trần Thị L kết hôn với nhau năm 1981, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 9 năm 2016, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay cả ông B và bà L đều xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và hai người thống nhất ly hôn. Do đó, cấp sơ thẩm đã quyết định cho ly hôn giữa ông Hoàng Văn B và bà Trần Thị L.

Xét kháng cáo của bà Trần Thị L về phần chia tài sản chung: Bà Trần Thị L cho rằng, ông Hoàng Văn B đang quản lý 83.000.000đ tiền đền bù giải phóng khi thu hồi đất nông nghiệp. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án bà L, ông B đều xác định và thừa nhận đây là số tiền trong tổng số tiền được nhận đều bù đất nông nghiệp và sau khi nhận tiền việc sử dụng vào mục đích gì đều được công khai trong đại gia đình. Hơn nữa, những người được nhận tiền đều xác nhận đã nhận đủ số tiền từ ông B giao lại. Hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm, bà L rút không yêu cầu số tiền 40.000.000 đồng đã cho anh H (Con trai) nữa. Do đó, cấp sơ thẩm xác định trong số tiền 83.000.000đ mà bà Liên cho rằng ông B đang quản lý chỉ còn 23.000.000đ và tiến hành chia số tiền này cho vợ chồng mỗi người 11.500.000 đồng là có cơ sở.

Đối với khoản nợ 135.000.000đ vay của anh Hoàng Văn H: Căn cứ vào lời khai của anh Hoàng Văn H thì, trong số tiền ông B vay 135.000.000 được chia làm hai lần; lần 1 vào tháng 2 năm 2014 anh H cho ông B vay 90.000.000đ để mua ô tô, hiện ôtô ông B đang sử dụng và lần 2 ông B vay 45.000.000 đồng vào tháng 10 năm 2015 để làm ốt cho thuê. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà L thừa nhận, trong cuộc sống hàng ngày của vợ chồng các khoản chi tiêu, quản lý kinh tế trong gia đình, bà L không biết cũng không nắm được nguồn gốc số tiền để mua chiếc ô tô. Và ông B cũng cho rằng số tiền này con trai (anh H) gửi về cho ông B và ông B đã dùng số tiền này để đổi ôtô, cấp sơ thẩm xác định chiếc ôtô là tài sản chung của vợ chồng nên số tiền 90.000.000đ nợ anh Hoàng Văn H là nợ chung của vợ chồng là có cơ sở. Đối với số tiền 45.000.000đ theo anh Hoàng Văn H khai anh H cho ông B vay vào tháng 10 năm 2015 để xây ốt cho thuê. Nhưng tại thời điểm này vợ chồng ông B, bà L đã nhận tiền bồi thường đất nông nghiệp và tháng 6 năm 2015 (Bl, 54a,54b). Do đó ông B cho rằng ông B vay anh H số tiền 45.000.000đ vào tháng 10/2015 để xây ốt cho thuê là không có cơ sở. Vì vậy phần nội dung kháng cáo này của bà L là có căn cứ để chấp nhận, cần xác định khoản nợ 45.000.000đ là nợ riêng của ông B, ông B phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh H.

Xét các nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Đối với thửa đất số 1765, tờ bản đồ số 16, tại xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An, diện tích 159m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016 mang tên Hoàng Văn B và Trần Thị L. Trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng thửa đất là tài sản chung của vợ chồng và trên thửa đất có nhà và công trình trên đất của vợ chồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành chia tài sản trên diện tích đất mỗi người ½ nhưng không chia quyền sử dụng đất cho vợ chồng là thiếu sót. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù quyết định phần đất có tài sản chia cho vợ chồng ông B, bà L cấp sơ thẩm chưa xác định cụ thể. Tuy nhiên, kèm theo Bản án cấp sơ thẩm là sơ đồ phần đất chi tiết mà cấp sơ thẩm đã chia cho vợ chồng bà L ông B, nên cấp phúc thẩm có thể khắc phục và bổ sung cho phù hợp, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với tài sản chung là 3 cái tủ gỗ trị giá 5.791.000đ, tại phiên tòa phúc thẩm ông B, bà L xác định, hiện bà L đang sử dụng 01 cái, còn ông B sử dụng 02 cái và tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về mức và cách tính án phí. Do đó Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghê An

về nội dung này là có cơ sở cần chấp nhận, sửa án sơ thẩm, về mức án phí và cách tính án phí mà ông B và bà L phải chịu cho phù hợp.

Đối với chi phí thẩm định, định giá tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án đương sự yêu cầu thẩm định, định giá tài để làm căn cứ giải quyết tranh chấp. Mặc dù tại cấp sơ thẩm chưa xem xét, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bà L là người yêu cầu đã nộp các khoản phí tự nguyện chịu toàn bộ và đã thực hiện xong và không yêu cầu gì. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm không tuyên lãi suất chậm thi hành án là thiếu sót, cấp phúc thẩm có thể bổ sung, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về án phí: Kháng cáo của bà Trần Thị L được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị L; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Sửa bản án sơ thẩm về phần quan hệ tài sản chung và án phí sơ thẩm. Tuyên xử:

1. Về chia tài sản chung:

1.1. Chia cho bà Trần Thị L được sử dụng diện tích 79,5m^2 đất và được sở hữu phần nhà chính 5,49m^2 và mái tôn trên phần phía Nam thửa đất, thuộc thửa đất số 1765, tờ bản đồ số 16, tại xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. (*Đặc điểm chi tiết chia nhà đất có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).*

Bà Trần Thị L được sử dụng 01 thửa đất số 509, tờ bản đồ số 7 diện tích 85m^2 tại xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Được sở hữu các đồ dùng sinh hoạt gia đình gồm: 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 02 giường gỗ, 01 tủ bếp, 01 bộ bàn ghế sa lon và số tiền 87.779.000 đ (Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng) trị giá tài sản do vợ chồng ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L giao lại.

Bà Trần Thị L phải trích cho cho ông Hoàng Văn B số tiền chênh lệch tài sản 37.606.500 đồng (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm linh sáu nghìn, năm trăm đồng).

Tổng trị giá tài sản bà L được chia là 526.668.500 đồng.

1.2. Chia cho ông Hoàng Văn B được sử dụng 79,5 m^2 đất và được sở hữu phần nhà chính 19,9m^2 và mái tôn phần phía Bắc thửa đất, thuộc thửa đất số

1765, tờ bản đồ số 16, tại xóm Kh, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. *(Đặc điểm chi tiết chia nhà đất có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).*

Ông Hoàng Văn B được sở hữu: 01 Chiếc xe ô tô Chevolet spark mang biển kiểm soát 37S-2224 (Kèm theo hồ sơ, giấy tờ liên quan); 01 xe máy mang biển kiểm soát 37N6-4523; Các loại máy móc làm mộc tại xưởng gỗ gồm: 01 máy bào, 01 máy soi chỉ, 03 máy bào tay, 01 máy đục. Toàn bộ đồ dùng sinh hoạt gia đình còn lại gồm: 02 ti vi, 01 máy điều hòa Samsung, 06 chiếc giường (04 giường gỗ, 02 giường sắt), 01 máy phát điện, 01 bếp ga, 01 nồi cơm điện, 01 máy lọc nước, 04 quạt điện, 01 lò vi sóng, 01 bình nóng lạnh.

Ông Hoàng Văn B được sở hữu số tiền 87.779.000 đ (Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng) trị giá tài sản do vợ chồng ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L giao lại và số tiền 37.606.500 đồng (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm linh sáu nghìn, năm trăm đồng) tiện trích chênh lệch tài sản do bà Trần Thị L giao lại.

Tổng trị giá tài sản ông B được chia là 526.668.500 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các bên liên quan liện hệ các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và tách thửa.

1.3. Vợ chồng ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L được sở hữu toàn bộ tài sản là nhà ở, nhà bếp và công trình phụ; 04 ki ốt (Hiện nay ông Hoàng Văn B và bà Trần Thị L đang quản lý, sử dụng) hiện nằm trên thửa đất của Ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L. Nhưng vợ chồng ông Hoàng Văn Ng và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Hoàng Văn B số tiền 87.779.000đ (Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng) và trả cho bà Trần Thị L số tiền 87.779.000đ (Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

2. Về khoản nợ:

2.1. Ông Hoàng Văn B và bà Trần Thị L phải trả cho anh Hoàng Văn H số tiền 90.000.000đ. Kỷ phần mỗi người 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

2.2. Ông Hoàng Văn B có nghĩa vụ trả cho anh Hoàng Văn H (Nợ riêng) số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, và chi phí tố tụng khác:

3.1. Buộc Ông Hoàng Văn B phải chịu 200.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; 23.266.700 đồng (Hai mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng) án phí chia tài sản và 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí nghĩa vụ trả nợ; Tổng là 27.966.700đ (Hai mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000 đồng mà ông B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000309 ngày 09/12/2016.

3.2. Bà Trần Thị L phải chịu 23.266.700 đồng (Hai mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng) án phí chia tài sản và 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí nghĩa vụ trả nợ. Tổng là 25.516.700đ (Hai mươi lăm triệu, năm trăm mười sáu ngàn, bảy trăm đồng), nhưng được khấu trừ 13.225.000đ (Mười ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0006396 ngày 29/12/2016.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Trần Thị L 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện H, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005894 ngày 20/9/2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND h. Hưng Nguyên;
- Chi cục THADS h. Hưng Nguyên;
- UBND xã Hưng Tây, h. Hưng Nguyên;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phấn